



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Khoa/Viện: Khoa Công nghệ thực phẩm
Bộ môn: Bộ môn Kỹ thuật hóa học

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Tiếng Anh chuyên ngành (Công nghệ hóa học)**
- Tiếng Anh: **Specialized English**

Mã học phần: CHE303

Số tín chỉ: 3 (45LT)

Đào tạo trình độ: Đại học

Chương trình đào tạo: Kỹ thuật hóa học (63)

Học phần tiên quyết:

2. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho người học những thuật ngữ cơ bản thuộc chuyên ngành Hóa học và Kỹ thuật Hóa học, cấu trúc các cụm từ và các loại câu thông dụng trong các văn bản khoa học tiếng Anh.

3. Mục tiêu:

Trang bị cho sinh viên vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Hóa học làm cơ sở để có thể tham khảo các tài liệu tiếng Anh nhằm phục vụ cho việc học tập cũng như làm việc sau này.

4. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs): Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

- a. Nhớ từ vựng chuyên ngành về các khái niệm cơ bản trong hóa học
- b. Vận dụng để trình bày một vấn đề liên quan đến chuyên ngành bằng tiếng Anh.
- c. Nhớ các cấu trúc ngữ pháp cơ bản được dùng trong văn phong sách và tạp chí chuyên ngành
- d. Vận dụng đọc hiểu một bài báo chuyên ngành bằng tiếng Anh.
- e. Vận dụng đọc hiểu và viết được một quy trình thực nghiệm bằng tiếng Anh.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra HP với Chuẩn đầu ra CTĐT:

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
a			X							
b									X	
c			X							X
d							X	X		
e				X	X	X				

6. Nội dung:

STT	Chương/Chủ đề	Nhằm đạt CLOs	Số tiết	
			LT	TH
1	Chemistry laboratory Names of common chemistry laboratory equipments	a, b	4	

	Grammar: Verbs, adjectives, and nouns followed by prepositions Chemical laboratory safety guide Case study: Distillation Procedure			
2	Name, general properties of Chemical substances Name of elements and compounds Types of Inorganic chemical reactions Properties of organic compounds Grammar: Adverbs, the passive voice	a, b	5	
3	Polymer Classification of Polymer Properties of Polymer Common objects made of polymers Word formation: Suffixes in verbs, nouns and adjectives Case study: Plastic processing technology Case study: Biodegradable Polymers	a, b, c, d, e	6	
4	Material Technology Cement Processing Glass Processing Ceramic Processing Grammar: reported speech (Indirect speech) Nanotechnology: Carbon nanotubes	a, b, c, d, e	6	
5	Chemistry and Environment Toxic compounds in our environment Grammar: Subordinate clauses Grammar: Modal auxiliaries Case study: Modern analytical techniques Case study: Wastewater treatment process	a, b, c, d, e	6	
6	Reading academic papers and giving academic presentations How to search and read an academic paper? Some phrases for academic presentations Some phrases for describing figures, diagrams and for reading formulas How to give an academic presentation?	c, d	6	
7	Extraction of Natural compounds Word formation: The suffix –able/ible Case study: bitter gourd extraction process Case study: curcumin extraction process	a, b, c, d, e	6	
8	Applications of natural compounds in cosmetics and functional food Word formation: Prefixes Case Study: Green cosmetics and green pharmacy	a, b, c, d, e	6	

7. Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá để đạt Chuẩn đầu ra HP

STT	Phương pháp dạy học	Áp dụng cho chủ đề	Nhằm đạt CLOs
-----	---------------------	--------------------	---------------

1	Thuyết giảng	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	a, b, c, d, e
2	Tổ chức và học tập theo nhóm	3, 4, 5, 7	a, b, c, d, e
3	Seminar	3, 4, 5, 7, 8	a, b, c, d, e
4	Dạy học nêu vấn đề	3, 4, 8	a, b, c, d, e
5	Sử dụng tư liệu trong giáo dục	3, 4, 5, 7, 8	a, b, c, d, e

8. Đánh giá kết quả học tập:

STT	Hình thức đánh giá	Nhằm đạt CLOs	Trọng số (%)	Phương pháp đánh giá
1	Đánh giá chuyên cần- Thái độ	a, b, c, d, e	10	
2	Thi giữa kỳ	a, b, c, d, e	40	
3	Thi cuối kỳ	a, b, c, d, e	50	

Rubrics

8.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và có thái độ tích cực tham gia các hoạt động sẽ được cộng điểm quá trình

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
			Xuất sắc	Tốt/giỏi	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
			Từ 9-10	Từ 7-8.9	Từ 5-6.9	Dưới 5
Tham dự lớp học	a, b, c, d, e	50	Tham dự tất cả các buổi học	Vắng mặt 1 buổi học nhưng đã cung cấp cho giảng viên lý do chính đáng	Vắng mặt 2 buổi học nhưng có lý do chính đáng.	Vắng mặt hơn 2 buổi học và/hoặc không cung cấp cho giảng viên lý do chính đáng.
Thái độ và sự tham gia trong quá trình học	a, b, c, d, e	50	- Luôn có thái độ tích cực trong lớp học - Tham gia tích cực bằng cách phát biểu, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi	- Luôn có thái độ tích cực trong lớp học - Thường xuyên tham gia đặt câu hỏi và tham gia thảo luận	- Đôi khi có thái độ chưa tích cực trong lớp học (phản nản, nói chuyện, làm việc riêng,...) - Đôi khi chưa tích cực tham gia thảo luận, đặt câu hỏi	- Có thái độ tiêu cực trong lớp học hầu hết thời gian (phản nản rất nhiều) - Hiếm khi tham gia thảo luận trên lớp hoặc đặt câu hỏi.

9. Tài liệu dạy và học:

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng
-----	-------------	--------------	----------	--------------	-------------------	------------------

			bản		tài liệu	Tài liệu chính	Tham khảo
1	J.E. Andrews ... [et al.].	An introduction to environmental chemistry	2004	Malden, Mass. : Blackwell Science, c2004.	Thư viện		X
2	D. Kealey and P.J. Haines.	Analytical chemistry	2001	Oxford : BIOS, 2002.	Thư viện		X
3	Janice Gorzynski Smith.	General, organic and biological chemistry	2010	New York, NY : McGraw- Hill Higher education, c2010.	Thư viện		X

Ngày cập nhật: 12/07/2025

NHÓM GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Hà Thị Hải Yến

TRƯỞNG KHOA/VIỆN

TRƯỞNG

BỘ

MÔN